

Số: 1380195

|                                            | Kia K5 2.0 Premium                     | Mazda CX-5 2.0L Premium |
|--------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>904.000.000đ</b>                    | <b>829.000.000đ</b>     |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                                        |                         |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4905 x 1860 x 1465                     | 4590 x 1845 x 1680      |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2850                                   | 2700                    |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5490                                   | 5500                    |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 135                                    | 200                     |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 1450                                   | 1550                    |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 1900                                   | 2000                    |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 510                                    | 442                     |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 60                                     | 56                      |
| Số chỗ ngồi                                | 5                                      | 5                       |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước                       | SX-LR trong nước        |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                                        |                         |
| Loại động cơ                               | 2.0 MPI                                | 2.0L Skyactive - G      |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 1999                                   | 1998                    |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 150 / 6200                             | 154 / 6000              |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 192 / 4000                             | 200 / 4000              |
| Hộp số                                     | 6AT                                    | 6AT                     |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)                        | Cầu trước (FWD)         |
| Hệ thống treo trước                        | McPherson                              | Độc lập Mc Pherson      |
| Hệ thống treo sau                          | Liên kết đa điểm                       | Liên kết đa điểm        |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                                    | Đĩa                     |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                                    | Đĩa                     |
| Thông số lốp xe                            | 235/45 R18                             | 225/55 R19              |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 10.95                                  | 8.6                     |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5.83                                   | 6.1                     |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 7.72                                   | 7                       |
| Chế độ lái                                 | Normal / Comfort / Eco / Sport / Smart | Normal / Sport          |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                                        |                         |
| Cụm đèn trước                              | LED                                    | LED                     |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | ●                                      | ●                       |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                                      | ●                       |
| Đèn sương mù                               | LED                                    | LED                     |
| Cụm đèn sau                                | LED                                    | LED                     |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                                      | Sấy gương               |
| Gạt mưa tự động                            | ●                                      | ●                       |
| Cửa sổ trời                                | ●                                      | ●                       |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                                        |                         |
| Vô lăng bọc da                             | ●                                      | ●                       |
| Chất liệu ghế                              | Da                                     | Da                      |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●                                      | ●                       |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                | ●                                      |                         |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ         | ●                                      |                         |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát        | ●                                      |                         |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi           | ●                                      |                         |

|                                         |                 |                  |
|-----------------------------------------|-----------------|------------------|
| Kính cửa sổ chỉnh điện                  | ●               | ●                |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin           | Full LCD 12.3’’ | Analog & Digital |
| Màn hình HUD                            | ●               | ●                |
| Màn hình giải trí trung tâm             | AVN 10.25       | 8’’              |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto      | ●               | ●                |
| Hệ thống điều hòa tự động               | ●               | ●                |
| Số vùng khí hậu điều hòa                | 2               | 2                |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                | ●               | ●                |
| Chìa khóa thông minh                    | ●               | ●                |
| Khởi động nút bấm                       | ●               | ●                |
| Khởi động từ xa                         | ●               |                  |
| Hệ thống âm thanh                       | 12 loa Bose     | 10 loa Bose      |
| Lấy chuyển số                           | ●               |                  |
| Sạc không dây Qi                        | ●               |                  |
| Phanh đỗ điện tử                        | ●               | ●                |
| Giữ phanh tự động Autohold              | ●               | ●                |
| Đèn trang trí nội thất                  | ●               | -                |
| Rèm che nắng                            | ●               |                  |
| <b>AN TOÀN:</b>                         |                 |                  |
| Số túi khí                              | 6               | 6                |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS        | ●               | ●                |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD        | ●               | ●                |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA       | ●               | ●                |
| Hệ thống cân bằng điện tử               | ●               | ●                |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA | ●               | ●                |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa         | ●               | ●                |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                   | Trước & sau     | Trước & Sau      |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù               | ●               | ●                |
| Hệ thống điều khiển hành trình          | ●               | MRCC Stop & Go   |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp           | ●               |                  |
| Camera lùi                              | ●(Camera 360)   | ● (Camera 360)   |